

CHƯƠNG 1

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN

1.1. LỊCH SỬ KẾ TOÁN

2

Xuất hiện và phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của xã hội loài người

Hình thức:

Khắc dấu thô sơ

Ghi chép trên sổ sách

Máy vi tính

1.1. LỊCH SỬ KẾ TOÁN

3

Phương pháp:

Kế toán đơn

Kế toán kép:

Fra Luca Pacioli

(tu sĩ dòng Franciscan

Leonardo de Vinci)

trong một cuốn sách toán

1494

(Columbus khám phá ra Châu Mỹ

1492)

1.2. ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI KẾ TOÁN

4

1.2.1. Phân biệt các loại hạch toán

1.2.2. Định nghĩa về kế toán

Theo một số tác giả nước ngoài

Theo Luật kế toán Việt Nam-2003

Tổ chức

Đơn vị kinh doanh-doanh nghiệp

sử dụng vốn của chủ sở hữu

thực hiện hoạt động kinh doanh kiếm lợi nhuận

Đơn vị hành chính và sự nghiệp

sử dụng kinh phí của nhà nước

thực hiện hoạt động quản lý hành chính hoặc

sự nghiệp được giao

Tình hình tài chính của doanh nghiệp

Tài sản

Kết quả hoạt động kinh doanh

Nghiệp vụ kinh tế

Sự kiện kinh tế có ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp

Theo một số tác giả nước ngoài

8

Ghi chép, phân loại, tổng hợp và giải thích các **ng nghiệp vụ kinh tế** có ảnh hưởng đến **tình hình tài chính** của **tổ chức** bằng **thước đo tiền tệ**, nhằm **cung cấp thông tin về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của tổ chức**, làm cơ sở cho việc ra các **quyết định kinh tế liên quan đến mục tiêu quản lý và đánh giá tổ chức**

Theo Luật kế toán Việt Nam-2003

9

Thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp:

thông tin kinh tế tài chính

giá trị, hiện vật, thời gian lao động

1.2.3. Chức năng của kế toán

10

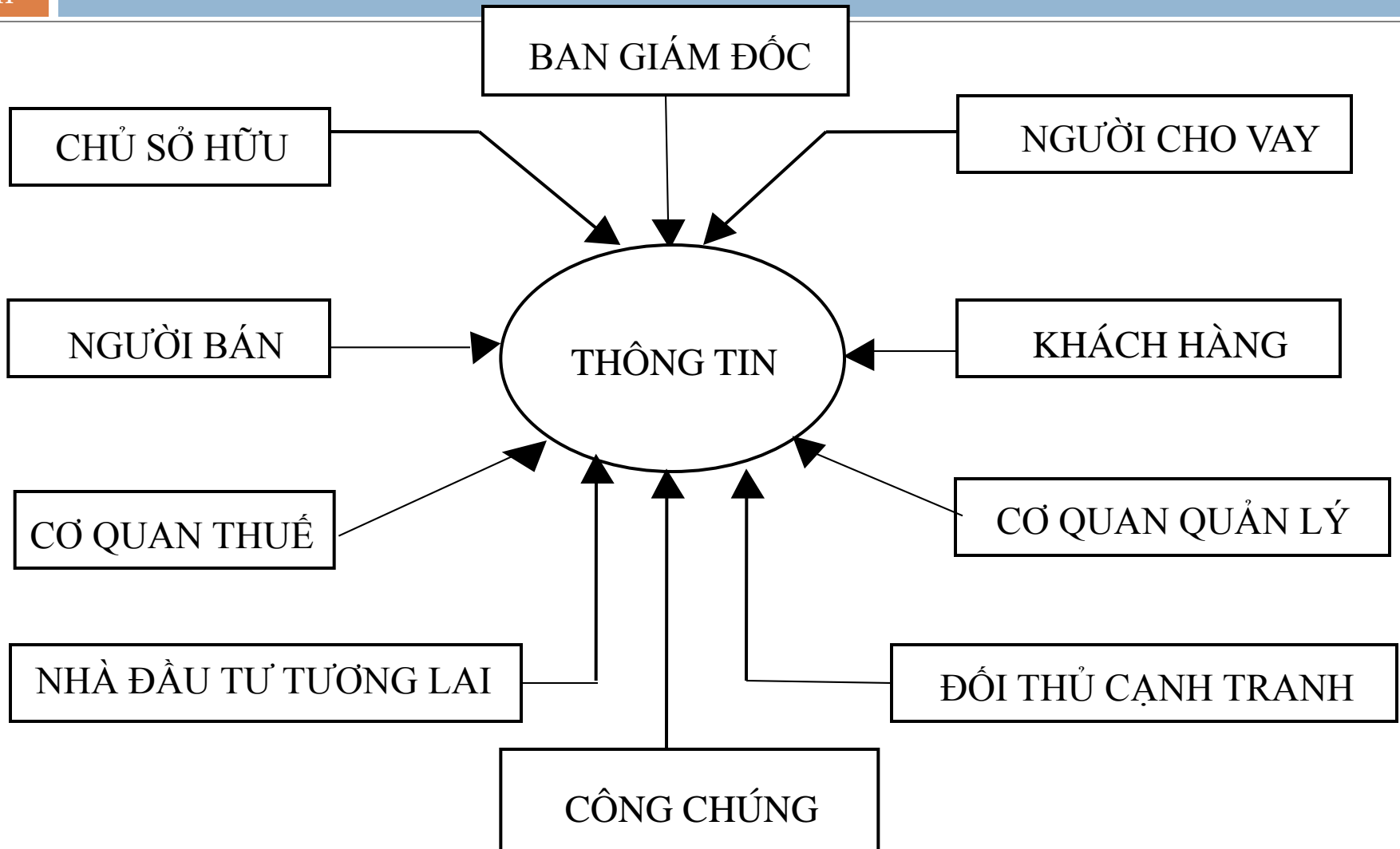
Phản ảnh

Thông tin

Giám đốc

Kiểm soát

1.2.4. Phân loại kế toán



1.2.4. Phân loại kế toán

12

Kế toán tài chính

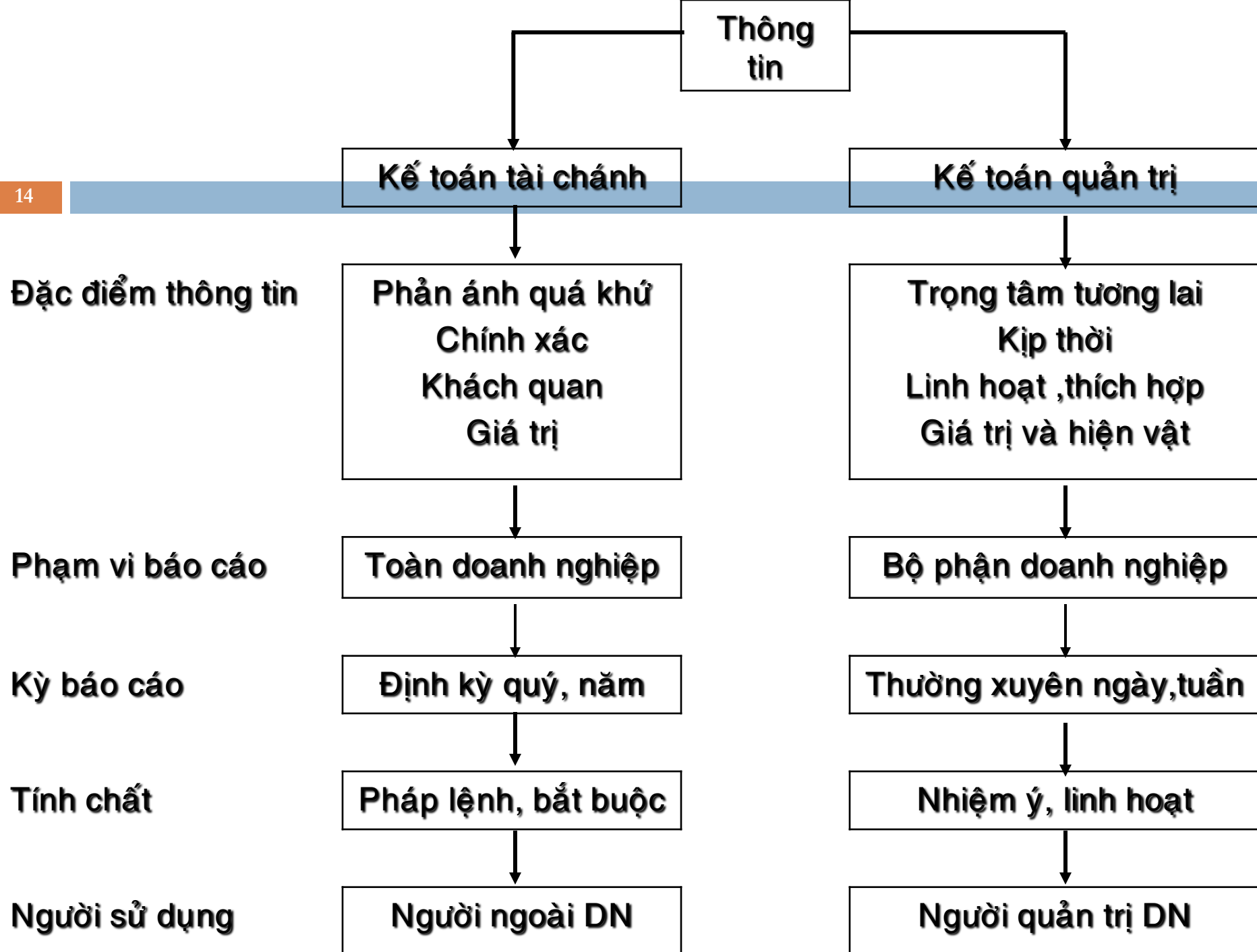
Kế toán quản trị

1.2.4. Phân loại kế toán.

13

Cung cấp thông tin cho các **đối tượng bên ngoài doanh nghiệp** bằng báo cáo tài chính

Cung cấp thông tin **cho người quản trị trong nội bộ doanh nghiệp** để kiểm tra và điều hành các hoạt động của doanh nghiệp



1.3. ĐỐI TƯỢNG CỦA KẾ TOÁN

15

1.3.1. Tài sản của doanh nghiệp

1.3.2. Sự vận động tuần hoàn của tài sản trong quá trình hoạt động kinh doanh

1.3.1. Tài sản của doanh nghiệp

16

1.3.1. 1. Hình thái tồn tại của tài sản
(tài sản gồm có những gì?)

1.3.1. 2. Nguồn gốc hình thành tài sản
(tài sản do đâu mà có?)

Phương trình kế toán:

Hình thái tài sản = Nguồn gốc tài sản

Tài sản = Nguồn vốn

1.3.1.1. Hình thái tồn tại của tài sản

18

Tài sản ngắn hạn:

Tiền và các hình thái tài sản có thời gian sử dụng, luân chuyển thu hồi vốn trong thời hạn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh

Tài sản ngắn hạn:

19

Tiền

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản phải thu

Các khoản ứng trước ngắn hạn

Hàng tồn kho

1.3.1. 1. Hình thái tồn tại của tài sản

20

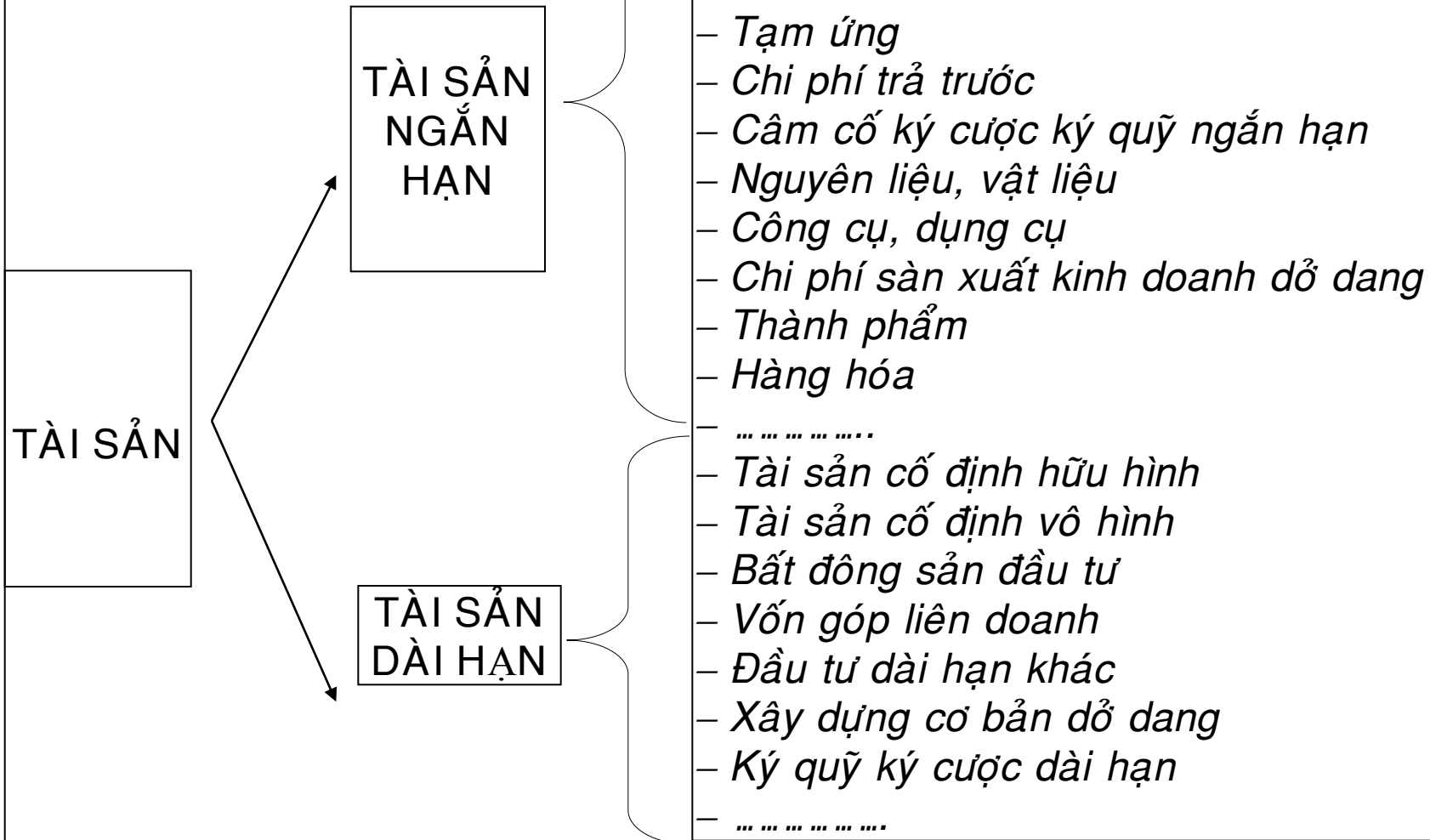
Tài sản dài hạn:

Các hình thái tài sản có thời gian sử dụng, luân chuyển thu hồi vốn trên 1 năm

Tài sản dài hạn:

21

Tài sản cố định: hữu hình, vô hình
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn
Xây dựng cơ bản dở dang
Các khoản ứng trước dài hạn



1.3.1.2.Nguồn gốc hình thành tài sản

23

Nợ phải trả:

Vay nợ

Mua chịu tài sản

Vốn chủ sở hữu:

Vốn do chủ sở hữu đầu tư

Kết quả kinh doanh

Nợ phải trả:

24

Nợ ngắn hạn:

Thời hạn trả trong 1 năm: *Vay ngắn hạn*

Phát sinh thường xuyên: *Phải trả cho người bán, Thuế phải nộp nhà nước, Phải trả người lao động.*

Nợ dài hạn:

Thời hạn trả trên 1 năm: *Vay dài hạn*

Vốn chủ sở hữu:

25

Vốn do chủ sở hữu đầu tư:

Nguồn vốn kinh doanh, Nguồn vốn xây dựng cơ bản

Hình thành từ kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

Lợi nhuận chưa phân phối, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính

NGUỒN
VỐN

NỢ
PHẢI
TRẢ

VỐN
CHỦ
SỞ
HỮU

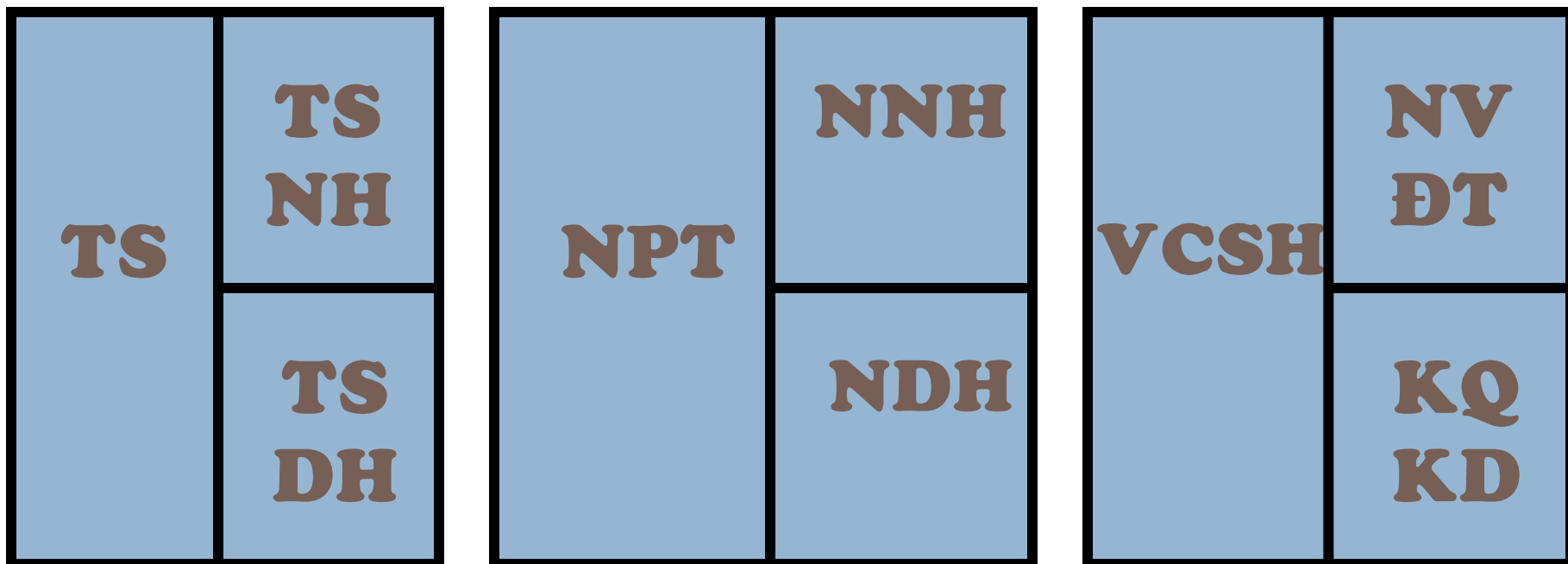
- Vay ngắn hạn
- Phải trả cho người bán
- Thuế & các khoản phải nộp nhà nước
- Phải trả người lao động
- Phải trả, phải nộp khác
- Vay dài hạn
- Nợ dài hạn
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn
- Quỹ khen thưởng phúc lợi

.....

- Nguồn vốn kinh doanh
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái
- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính
- Lợi nhuận chưa phân phối
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản
- Quỹ quản lý của cấp trên

.....

Tài sản và nguồn hình thành tài sản



$$\mathbf{TS = NPT + VCSH}$$

Trách nhiệm của DN đối với các chủ nợ

Trách nhiệm của DN đối với chủ sở hữu

Các chủ nợ có trái quyền ưu tiên

Các CSH chỉ có quyền sở hữu phần TS còn lại:

$$\mathbf{VCSH = TS - NPT}$$